

KẾ HOẠCH

Triển khai Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 0342/TTr-SKHCHN ngày 30/09/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo (sau đây gọi tắt AI) phù hợp với điều kiện, nhu cầu và nguồn lực của tỉnh Gia Lai; xác định rõ lộ trình, kết quả đầu ra và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, sản xuất, kinh doanh và các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả quản lý, năng lực cạnh tranh và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Từng bước hình thành hệ sinh thái ứng dụng trí tuệ nhân tạo của tỉnh trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu, hạ tầng số, nền tảng số và nguồn nhân lực hiện có; ưu tiên sử dụng, thuê, khai thác các nền tảng, dịch vụ AI dùng chung của quốc gia, của doanh nghiệp thay vì đầu tư dàn trải.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược; lựa chọn các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý và khả năng tổ chức thực hiện của tỉnh, không trùng lặp với nhiệm vụ do các bộ, ngành Trung ương chủ trì.

- Phân công theo nguyên tắc “6 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền. Mỗi nhiệm vụ phải xác định rõ hiện trạng, nhu cầu, dữ liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra, chỉ tiêu đánh giá hiệu quả, cơ quan chủ trì, đơn vị sử dụng và nguồn lực thực hiện; ưu tiên khai thác, tái sử dụng dữ liệu, hạ tầng và nền tảng hiện có, bảo đảm kết nối, chia sẻ và không đầu tư trùng lặp.

- Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, chủ quyền dữ liệu; tuân thủ pháp luật về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; ưu tiên sản phẩm, dịch vụ AI “Make in Việt Nam” trong các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của tỉnh.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2030, AI trở thành năng lực cốt lõi, được tích hợp sâu trong hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp, cung cấp dịch vụ công, sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và đời sống xã hội của tỉnh; thúc đẩy chuyển đổi quy trình nghiệp vụ, nâng cao năng suất, chất lượng phục vụ và hiệu quả sử dụng nguồn lực; từng bước hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số, nhân lực AI.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Mục tiêu đến năm 2030

(i) Về quản trị và dịch vụ công

- 100% cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh sử dụng nền tảng AI hỗ trợ công vụ hằng tuần.

- 60% quyết định chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu và AI.

- 100% dịch vụ công trực tuyến được tích hợp, hỗ trợ bởi AI; 100% hồ sơ thủ tục hành chính được hỗ trợ xử lý bằng AI.

- Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ công được hỗ trợ bởi AI tăng tối thiểu 30% so với năm 2026.

- Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.

(ii) Về dữ liệu

- 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành, dữ liệu dùng chung của tỉnh thuộc danh mục được phê duyệt hoàn thành số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, sẵn sàng khai thác

cho AI.

- 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh mở và cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng theo quy định.

(iii) Về nhân lực

- 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh và cấp xã được tập huấn sử dụng AI;

- Phổ cập kỹ năng AI cho người dân, người lao động thông qua các khóa học đại trà trực tuyến mở (MOOCs) và phong trào “Bình dân học vụ số”; xác định chỉ tiêu số người được đào tạo, bồi dưỡng và hoàn thành khóa học trong kế hoạch triển khai hằng năm trên cơ sở nhu cầu và nguồn lực.

(iv) Về kinh tế

- 60% doanh nghiệp có ứng dụng AI ghi nhận tăng năng suất, giảm chi phí, tăng doanh thu.

- Thu hút, hình thành tối thiểu 03 doanh nghiệp AI, doanh nghiệp khởi nghiệp AI hoặc doanh nghiệp công nghệ số có sản phẩm AI “Make in Việt Nam” trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã ứng dụng, duy trì sử dụng giải pháp AI; xác định số đối tượng được hỗ trợ và số mô hình theo ngành trong kế hoạch hằng năm, phù hợp nhu cầu, nguồn lực; theo dõi tỷ lệ duy trì sử dụng, mức tăng năng suất, giảm chi phí, thời gian xử lý và cải thiện doanh thu, chất lượng dịch vụ.

b) Tầm nhìn đến năm 2045

AI trở thành nền tảng vận hành chủ đạo của chính quyền, nền kinh tế và xã hội tỉnh; phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh để phát triển năng lực nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng AI và công nghệ chiến lược; từng bước hình thành hệ sinh thái AI có khả năng kết nối, hợp tác trong khu vực Tây Nguyên - Nam Trung Bộ, góp phần nâng cao năng suất, năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống của người dân.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhân lực AI và kỹ năng AI toàn dân

a) Tổ chức tập huấn sử dụng AI cho 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp xã trong giai đoạn 2026 - 2027; lồng ghép nội dung AI vào chương trình bồi dưỡng thường xuyên; xây dựng bộ tài liệu, tình huống sử dụng AI theo vị trí việc làm và đánh giá kết quả vận dụng sau tập huấn.

b) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên gia, kỹ sư kỹ năng chuyên ngành AI trong các ngành trọng điểm, gồm sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, y tế, giáo dục, du lịch, xây dựng - đô thị; gắn đào tạo với triển khai, vận hành các mô hình, giải pháp thực tế. Phát huy năng lực của Trường Đại học Quy Nhơn và các cơ sở đào tạo trên địa bàn trong đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu.

c) Phổ cập kỹ năng AI toàn dân thông qua MOOCs, Tổ công nghệ số cộng đồng, phong trào “Bình dân học vụ số”; ưu tiên thanh niên, lao động nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Triển khai giáo dục AI, STEM trong trường phổ thông theo chương trình, hướng dẫn của ngành Giáo dục; phát huy Trung tâm Khám phá Khoa học và Đổi mới sáng tạo, STEM-Lab, các cuộc thi robot, hackathon; phối hợp đào tạo nhân lực AI, bán dẫn tại Trường Đại học Quy Nhơn gắn với nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng AI và điều kiện của phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung.

2. Dữ liệu, mô hình AI

a) Rà soát, ban hành danh mục cơ sở dữ liệu, bộ dữ liệu ưu tiên số hóa, chuẩn hóa, làm sạch, sẵn sàng khai thác cho AI; xác định rõ cơ quan quản lý, trách nhiệm cập nhật, tiêu chí chất lượng, điều kiện khai thác và lộ trình thực hiện. Trong giai đoạn 2026 - 2027, ưu tiên dữ liệu phục vụ các bài toán AI được lựa chọn; tiếp tục hoàn thiện, mở rộng đến năm 2030.

b) Mở và cung cấp dữ liệu mở bảo đảm chất lượng của 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh, hoàn thành trong năm 2027; ban hành danh mục dữ liệu được phép công bố, quy định trách nhiệm cập nhật, kiểm tra chất lượng và điều kiện khai thác theo pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định có liên quan.

c) Tham gia thử nghiệm, sử dụng các mô hình AI tiếng Việt, nền tảng AI dùng chung quốc gia; ưu tiên các mô hình, giải pháp cho phép kiểm tra, tùy chỉnh, kiểm soát dữ liệu và triển khai phù hợp yêu cầu an toàn, bảo mật. Lựa chọn phương án khai thác nền tảng dùng chung, thuê dịch vụ hoặc triển khai trên hạ tầng phù hợp với từng bài toán, không phát triển mô hình nền tảng trùng lặp không cần thiết.

3. Hạ tầng AI

a) Rà soát, xác định nhu cầu năng lực tính toán AI phục vụ quản lý nhà nước và nghiên cứu của tỉnh theo từng bài toán, khối lượng dữ liệu, yêu cầu bảo mật, chi phí triển khai và vận hành; xây dựng phương án tiếp cận tài nguyên tính toán qua nền tảng điều phối năng lực tính toán AI quốc gia theo lộ trình cung cấp, dịch vụ điện toán đám mây hoặc hạ tầng phù hợp; không đầu tư trùng lặp hạ tầng tính toán riêng lẻ tại các đơn vị.

b) Thu hút doanh nghiệp đầu tư trung tâm dữ liệu, hạ tầng AI tại khu công nghệ số tập trung, các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh gắn với lợi thế năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời); rà soát nhu cầu, điều kiện về đất đai, hạ tầng nước, điện, kết nối và sử dụng năng lượng hiệu quả, xanh, bền vững, phù hợp quy hoạch và quy định của pháp luật.

c) Hoàn thiện hạ tầng số nền tảng: mạng 5G, cáp quang đến thôn, làng theo kế hoạch phát triển hạ tầng số của tỉnh; hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các bài toán cụ thể. Kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; việc dịch chuyển hệ thống thông tin thực hiện theo phương án, lộ trình được cấp có thẩm quyền xác định.

4. Nghiên cứu, phát triển AI và làm chủ công nghệ AI

a) Ưu tiên bố trí nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về AI và ứng dụng AI giải quyết các bài toán của tỉnh; hằng năm xác định, công bố “bài toán AI ưu tiên” kèm cơ quan đặt hàng, dữ liệu có thể khai thác, kết quả cần đạt, nhu cầu thuê, mua sắm, tiêu chí lựa chọn, ngân sách dự kiến và đơn vị tiếp nhận, vận hành để doanh nghiệp tham gia; ứng dụng AI trong quản lý, đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tra cứu, tổng hợp tri thức, phân tích dữ liệu nghiên cứu và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

b) Khai thác phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung phục vụ các nội dung nghiên cứu, kiểm thử, đào tạo và phát triển sản phẩm liên quan đến AI; phối hợp với Trường Đại học Quy Nhơn theo chức năng, nhiệm vụ và phương án quản lý, vận hành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thúc đẩy hợp tác quốc tế về AI thông qua các hội nghị, sự kiện khoa học có nội dung liên quan tại ICISE và Quy Nhơn; kết nối chuyển giao công nghệ, trao đổi nhà khoa học, hợp tác nghiên cứu, đào tạo và phát triển sản phẩm; đánh giá kết quả theo nội dung hợp tác, công nghệ tiếp nhận, nhân lực được đào tạo và sản phẩm hình thành.

5. AI trong quản trị của tỉnh

a) Triển khai diện rộng Nền tảng AI hỗ trợ công vụ quốc gia đến 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp xã theo lộ trình cung cấp và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; chuẩn bị dữ liệu, quy trình và điều kiện tích hợp với hệ thống quản lý văn bản, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Tổ chức thử nghiệm, đánh giá và phát triển trợ lý AI chuyên ngành phù hợp nhu cầu; theo dõi việc sử dụng thực tế, bảo đảm đạt chỉ tiêu sử dụng hằng tuần đến năm 2030.

b) Tích hợp AI vào nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành của tỉnh; 100% dịch vụ công trực tuyến được AI hỗ trợ hướng dẫn, kiểm tra hồ sơ, trả lời tự động, phân luồng xử lý.

c) Ứng dụng AI trong quản trị, chỉ đạo, điều hành: phân tích chính sách, đánh giá tác động, dự báo kinh tế - xã hội, xây dựng và rà soát văn bản quy phạm pháp luật, giám sát thực thi, hỗ trợ ra quyết định; xây dựng bảng chỉ số điều hành dựa trên dữ liệu và AI phục vụ lãnh đạo tỉnh.

d) Rà soát, xác định các bài toán tích hợp AI vào Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (IOC) tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2027, gắn với Kho dữ liệu dùng chung và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu. Triển khai từng bước, hoàn thiện nâng cấp IOC tích hợp AI trong giai đoạn 2028 - 2029; khai thác IoT, dữ liệu vệ tinh và các công nghệ phù hợp phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, cháy rừng, dịch bệnh, giao thông, môi trường; duy trì, đánh giá và hoàn thiện đến năm 2030.

đ) Lựa chọn địa bàn đủ điều kiện triển khai bản sao số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ số tập trung; xác định bài toán, phạm vi, hiệu quả và nguồn lực trước khi triển khai. Bản sao số phải có khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu với nền tảng dùng chung và IOC tỉnh, phù hợp yêu cầu quản lý chuyên ngành.

6. AI cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh

Các sở, ban, ngành lựa chọn bài toán chuyển đổi AI thuộc lĩnh vực quản lý, lồng ghép vào kế hoạch chuyển đổi số hằng năm; xác định rõ dữ liệu đầu vào, đơn vị sử dụng, sản phẩm, tiến độ, nguồn lực và chỉ tiêu đánh giá hiệu quả. Hệ thống, giải pháp AI chuyên ngành phải phù hợp kiến trúc, yêu cầu kết nối, chia sẻ dữ liệu và an toàn, bảo mật; ưu tiên khai thác nền tảng dùng chung, đồng thời lựa chọn giải pháp chuyên dụng phù hợp đặc thù nghiệp vụ, không đầu tư trùng lặp. Ưu tiên các nội dung sau:

a) AI trong nông nghiệp, tài nguyên và môi trường: dự báo dịch bệnh, thời tiết, cháy rừng, sạt lở, lũ quét; truy xuất nguồn gốc nông sản chủ lực (cà phê, hồ tiêu, cao su, sắn, thủy sản, gỗ); nông nghiệp chính xác, UAV nông nghiệp; quản lý rừng, tài nguyên nước bằng viễn thám và AI.

b) AI trong văn hóa, thể thao và du lịch: trợ lý du lịch AI, phân tích dòng khách, cá thể hóa trải nghiệm du khách; số hóa, bảo tồn di sản (Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, di sản văn hóa Chăm, võ cổ truyền Bình Định), tiếng nói, chữ viết các dân tộc thiểu số.

c) AI trong y tế: hỗ trợ quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, quản lý bệnh viện, phân luồng người bệnh, điều phối nguồn lực, cảnh báo dịch bệnh, chăm sóc người cao tuổi và chăm sóc từ xa, phục vụ vùng sâu, vùng xa. Lựa chọn mô hình hỗ trợ chẩn đoán, điều trị phù hợp điều kiện chuyên môn.

d) AI trong giáo dục: trợ lý học tập, hỗ trợ giáo viên xây dựng bài giảng,

học liệu số; quản lý giáo dục dựa trên dữ liệu.

đ) AI trong năng lượng và thương mại điện tử: quản lý, dự báo sản lượng năng lượng tái tạo, tối ưu vận hành, bảo trì dự báo, tiết kiệm năng lượng; hỗ trợ thương mại điện tử nông sản, hộ kinh doanh, hợp tác xã; quản lý thị trường, chống hàng giả.

e) AI trong giao thông, xây dựng và đô thị: giám sát, cảnh báo, hỗ trợ điều hành giao thông; quản lý hạ tầng, chiếu sáng, cấp thoát nước, thu gom, xử lý rác thải; liên thông với nhiệm vụ bản sao số và IOC để tránh trùng lặp.

g) AI trong tài chính, ngân hàng: hỗ trợ phân tích, quản lý ngân sách và rủi ro tài chính thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; phối hợp với các cơ quan thuế, kho bạc, ngân hàng triển khai ứng dụng AI trong quản lý thuế, kiểm soát chi, chấm điểm tín dụng, thanh toán số theo chức năng, thẩm quyền và hướng dẫn của ngành dọc.

h) AI trong lao động, việc làm và an sinh xã hội: dự báo thị trường lao động, kết nối cung - cầu lao động, hỗ trợ quản lý chính sách an sinh xã hội; khảo sát nhu cầu đào tạo lại, nâng cao kỹ năng cho lao động có nguy cơ bị AI thay thế, gắn với nhiệm vụ phát triển nhân lực.

i) AI trong báo chí, phát thanh, truyền hình: hỗ trợ tòa soạn số, thu thập, kiểm chứng, biên tập, sản xuất nội dung đa nền tảng, khai thác tư liệu, nhận diện giọng nói, phụ đề và phát hiện thông tin sai lệch, tin giả.

7. AI cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã

a) Giới thiệu danh mục sản phẩm, giải pháp AI phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố trên Cổng/trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành.

b) Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng AI cho mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số và cán bộ nòng cốt của doanh nghiệp; tổ chức hội thảo, giới thiệu mô hình chuyển đổi AI thành công.

c) Hỗ trợ pháp lý về AI cho doanh nghiệp, lồng ghép vào Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030 ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

d) Khảo sát nhu cầu, lựa chọn đối tượng để hỗ trợ chuẩn hóa dữ liệu, lựa chọn, tích hợp, vận hành và duy trì giải pháp AI; kết nối với chương trình hỗ trợ của Trung ương và chính sách của tỉnh. Đánh giá theo số đối tượng được hỗ trợ, tỷ lệ duy trì sử dụng sau hỗ trợ, mức tăng năng suất, giảm chi phí, thời gian xử lý,

tăng doanh thu hoặc chất lượng dịch vụ.

8. Hệ sinh thái AI

Hỗ trợ phát triển cơ sở ương tạo trên địa bàn tỉnh; thu hút, phát triển doanh nghiệp AI, doanh nghiệp khởi nghiệp AI, doanh nghiệp vận hành dựa trên AI, doanh nghiệp công nghệ số có sản phẩm AI, gắn với khu công nghệ số tập trung, Trường Đại học Quy Nhơn và các cơ sở nghiên cứu. Thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp công nghệ, cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo và nhà đầu tư để giải quyết bài toán thực tế; kết nối cung - cầu công nghệ thông qua sàn giao dịch công nghệ, Ngày hội Đổi mới sáng tạo tỉnh, Techfest.

9. Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy

a) Tổ chức thực hiện Luật Trí tuệ nhân tạo, Khung đạo đức trí tuệ nhân tạo quốc gia và hướng dẫn quản trị, đánh giá tuân thủ của cơ quan có thẩm quyền. Bảo đảm các hệ thống AI của cơ quan nhà nước minh bạch, công bằng, an toàn, có trách nhiệm; có khả năng giám sát, truy vết, giải trình kết quả xử lý tự động; AI chỉ có tính chất hỗ trợ, không là căn cứ duy nhất để ban hành quyết định hành chính ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

b) Bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong triển khai hệ thống AI; giám sát, cảnh báo, ứng phó sự cố; phòng, chống lừa đảo, thông tin sai lệch, giả mạo bằng công nghệ AI (deepfake).

10. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý của tỉnh để thống nhất, đồng bộ với Chiến lược.

b) Áp dụng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ công nghệ số, hợp tác công tư theo quy định của pháp luật; triển khai hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền cho phép thử nghiệm có kiểm soát đối với hệ thống AI theo quy định, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Khuyến khích doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ đồng đầu tư, hợp tác với tỉnh; việc triển khai từng nhiệm vụ thực hiện theo thủ tục, thẩm quyền và nguồn lực được phê duyệt.

c) Rà soát, nghiên cứu cơ chế hỗ trợ nghiên cứu, phát triển, ứng dụng AI theo kết quả; cơ chế hỗ trợ lãi suất thông qua Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh trong giai đoạn 2026 - 2027, phù hợp chức năng, điều kiện hoạt động của Quỹ và pháp luật; báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, không tự xác lập chính sách ưu đãi vượt thẩm quyền.

11. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và văn hóa sử dụng AI có trách nhiệm

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Trí tuệ nhân tạo và các văn bản hướng dẫn thi hành; lồng ghép nội dung tuyên truyền AI vào chương trình, kế hoạch của các sở, ngành, địa phương; tổ chức hội thảo, cuộc thi, ngày hội AI phù hợp nhu cầu; truyền thông trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai, Cổng thông tin điện tử tỉnh. Chú trọng hướng dẫn sử dụng AI có trách nhiệm, kiểm chứng kết quả và bảo vệ dữ liệu.

12. Đo lường, giám sát, đánh giá

Xây dựng bộ chỉ tiêu, phương pháp theo dõi, đánh giá thống nhất với hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; xác định phạm vi, số liệu gốc, nguồn dữ liệu, cơ quan cung cấp và bằng chứng kết quả. Rà soát số liệu gốc năm 2026, nhất là mức độ hài lòng đối với dịch vụ công, hiện trạng ứng dụng AI và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; hoàn thiện phương án đo lường trong năm 2027. Theo dõi sử dụng AI trong công vụ, hỗ trợ quyết định, dịch vụ công, chất lượng dữ liệu và hiệu quả mô hình theo ngành; không thay thế chỉ tiêu sử dụng thực tế bằng số tài khoản được cấp.

Khai thác nền tảng số hiện có để theo dõi, thống kê, giám sát, đánh giá, bảo đảm tự động tối đa, kịp thời, công khai, minh bạch theo phạm vi được phép; không xây dựng thêm hệ thống báo cáo trùng lặp. Tổ chức đánh giá, công bố kết quả hằng năm; sử dụng kết quả để tham mưu chỉ đạo, điều chỉnh nhiệm vụ và ưu tiên nguồn lực.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2026 - 2027: ban hành Kế hoạch; xác định đầu mối thực hiện; rà soát hiện trạng, số liệu gốc, dữ liệu và nguồn lực; công bố danh mục bài toán AI ưu tiên lần đầu trong Quý I/2027; triển khai Nền tảng AI hỗ trợ công vụ theo lộ trình cung cấp và hướng dẫn của Trung ương; cập nhật Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh có thành phần AI; chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu ưu tiên, công bố dữ liệu mở; rà soát, đề xuất cơ chế hỗ trợ; xây dựng, cập nhật Đề án robot, tự động hóa và AI trong sản xuất; lựa chọn và bắt đầu triển khai thí điểm các bài toán AI có đủ điều kiện.

2. Giai đoạn 2028 - 2029: mở rộng các mô hình AI đã được đánh giá hiệu quả; phấn đấu hoàn thành tích hợp AI hỗ trợ 100% dịch vụ công trực tuyến, hồ sơ thủ tục hành chính; hoàn thiện nâng cấp IOC tích hợp AI; triển khai các bài toán AI trọng điểm của từng ngành, gắn với hoàn thiện dữ liệu, đào tạo nhân lực và hỗ trợ doanh nghiệp duy trì sử dụng.

3. Năm 2030: hoàn thành các chỉ tiêu; đánh giá tổng kết việc thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh, hiệu quả và khả năng duy trì các mô hình; xác định nhiệm vụ vận hành, cập nhật, mở rộng và đề xuất định hướng đến năm 2045.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh; nguồn vốn của doanh nghiệp, hợp tác công tư, tài trợ, viện trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác; lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan.

2. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao lập dự toán gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí theo phân cấp ngân sách; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tác động lan tỏa; quản lý, sử dụng kinh phí bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả, tiết kiệm và đúng quy định của pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối: chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai Kế hoạch; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện. Trên cơ sở đánh giá, tham mưu Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể để tháo gỡ khó khăn, xử lý nhiệm vụ chậm tiến độ, điều chỉnh nội dung chưa phù hợp và ưu tiên nguồn lực cho nhiệm vụ có hiệu quả; báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hằng năm và đột xuất. Chủ trì công bố bài toán AI ưu tiên, hướng dẫn kỹ thuật, tích hợp nền tảng, quản trị và đo lường AI theo chức năng; đề xuất cập nhật Kế hoạch khi có hướng dẫn, phân bổ chỉ tiêu hoặc biến động lớn về công nghệ.

2. Sở Tài chính:

- Trên cơ sở dự toán của các cơ quan, đơn vị, địa phương và khả năng cân đối ngân sách, tổng hợp, cân đối, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo phân cấp ngân sách và quy định của pháp luật. Chủ trì xúc tiến đầu tư hạ tầng AI, trung tâm dữ liệu, doanh nghiệp AI; tham mưu, hướng dẫn về cơ chế tài chính, nguồn lực, đặt hàng, thuê dịch vụ và các nội dung liên quan đến hợp tác công tư theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo phân công tại Kế hoạch số 219/KH-UBND ngày 03/6/2026 về kế hoạch triển khai Quyết định số 433/QĐ-TTg ngày 16/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Đề án chuyển đổi số các doanh nghiệp nhỏ và vừa giai đoạn 2026 – 2030.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, triển khai nhiệm vụ phát triển nhân lực AI thuộc phạm vi ngành Giáo dục theo Chương trình quốc gia phát triển nhân lực AI và kế hoạch của tỉnh được cấp có thẩm quyền ban hành; tổ chức giáo dục AI cho

học sinh phổ thông, đào tạo, bồi dưỡng năng lực AI cho nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và ứng dụng AI trong dạy học, quản lý giáo dục. Phối hợp các cơ quan, cơ sở đào tạo tổng hợp nhu cầu, chỉ tiêu, nguồn lực và kết quả phát triển nhân lực AI theo phạm vi được giao, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

4. Sở Nội vụ chủ trì, lồng ghép bồi dưỡng AI vào chương trình bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; rà soát, tham mưu triển khai chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia AI trong phạm vi chức năng, thẩm quyền; chủ trì nhiệm vụ AI trong lao động, việc làm, phối hợp đào tạo lại, nâng cao kỹ năng cho lao động có nguy cơ bị AI thay thế. Hướng dẫn sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi AI trong đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng theo quy định.

5. Công an tỉnh hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan quản lý dữ liệu thực hiện trách nhiệm cập nhật, cung cấp và chia sẻ dữ liệu. Chủ trì an ninh dữ liệu, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong triển khai AI; kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia theo chức năng, thẩm quyền; bồi dưỡng nhân lực an ninh mạng và AI, phòng, chống hành vi lợi dụng AI vi phạm pháp luật; ứng dụng AI bảo đảm an ninh, trật tự.

6. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, triển khai ứng dụng AI trong chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh, cải cách thủ tục hành chính, dịch vụ công; phối hợp theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ.

7. Các sở, ban, ngành của tỉnh lựa chọn bài toán chuyển đổi AI của ngành, lồng ghép vào kế hoạch chuyển đổi số hằng năm; triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Phụ lục kèm theo.

8. Thống kê tỉnh chủ trì lồng ghép các chỉ tiêu điều tra về ứng dụng AI vào các cuộc điều tra thống kê thực hiện trên địa bàn tỉnh; cung cấp số liệu phục vụ đánh giá các chỉ tiêu của Kế hoạch; Ngân hàng Nhà nước Khu vực 11, Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước khu vực XV phối hợp triển khai ứng dụng AI trong tài chính, ngân hàng theo chức năng, hướng dẫn của ngành dọc và chia sẻ kết quả phục vụ đánh giá Kế hoạch.

9. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Trường Đại học Quy Nhơn, các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, Trung tâm ICISE, các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ số phối hợp tuyên truyền, đào tạo, nghiên cứu, cung cấp giải pháp, kết nối chuyên gia và triển khai mô hình AI.

10. Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn; bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp xã sử dụng nền tảng AI hỗ trợ công vụ; phát huy Tổ công nghệ số cộng đồng phổ cập kỹ năng AI cho người dân; ứng dụng AI trong giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ người dân, doanh nghiệp; báo cáo kết quả theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ. Ủy ban

nhân dân các xã, phường không đầu tư riêng hệ thống, trợ lý AI; sử dụng nền tảng AI dùng chung của quốc gia, của tỉnh theo Kiến trúc của Mô hình chuyển đổi số cấp xã trong Khung kiến trúc Chính quyền số tỉnh.

11. Định kỳ trước ngày 15 tháng 11 hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

12. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi AI được giao; kết quả thực hiện là căn cứ đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./

Nơi nhận:

- Bộ Công an (để b/c);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Trường ĐH Quy Nhơn;
- Trung tâm ICISE;
- CVP, PVP VX;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT, V1, V9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hải Giang

PHỤ LỤC
Danh mục 35 nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về trí tuệ nhân tạo
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Gia Lai
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian
I	Nhân lực AI và kỹ năng AI toàn dân				
1	Thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển nhân lực AI theo Kế hoạch triển khai Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11/8/2026 của Thủ tướng Chính phủ; theo dõi, tổng hợp chỉ tiêu nhân lực AI toàn tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, địa phương; cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng.	Kế hoạch, chỉ tiêu hằng năm; số người được đào tạo, bồi dưỡng; báo cáo kết quả.	Triển khai hằng năm
2	Tổ chức tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức sử dụng AI.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan, đơn vị, địa phương	100% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn; báo cáo kết quả đánh giá sau tập huấn.	Năm 2026-2027
3	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia, kỹ sư kỹ năng chuyên ngành AI trong các ngành trọng điểm	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Quy Nhơn	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả đào tạo hằng năm	Triển khai hằng năm
4	Phổ cập kỹ năng AI toàn dân qua MOOCs, Tổ công nghệ số cộng đồng, Bình dân học vụ số.	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Số người hoàn thành khóa học; đạt chỉ tiêu lao động có kỹ năng AI cơ bản	Triển khai hằng năm
5	Rà soát, triển khai chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia AI; kết nối mạng lưới chuyên gia qua Trung tâm ICISE	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính	Chính sách được ban hành; mạng lưới chuyên gia	Năm 2027 - 2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian
II	Dữ liệu, mô hình AI				
6	Rà soát danh mục dữ liệu ưu tiên; chuẩn hóa, làm sạch, chia sẻ dữ liệu phục vụ AI; khai thác Kho dữ liệu dùng chung.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, địa phương	Danh mục ban hành năm 2027; 100% CSDL thuộc danh mục sẵn sàng cho AI đến 2030	Năm 2026 - 2027: dữ liệu ưu tiên; hoàn thiện đến năm 2030
III	Hạ tầng AI				
7	Xác định nhu cầu tính toán theo bài toán; phương án khai thác nền tảng quốc gia, đám mây, hạ tầng phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Tài chính	Báo cáo nhu cầu, phương án và chi phí triển khai, vận hành.	Quý II/2027; cập nhật hằng năm
8	Hoàn thiện hạ tầng 5G, cáp quang, IoT theo kế hoạch hạ tầng số; kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; doanh nghiệp viễn thông; địa phương	Kết quả hạ tầng, vùng phủ; kết nối theo hướng dẫn, nhu cầu bài toán.	Năm 2026 - 2028
9	Xúc tiến thu hút đầu tư hạ tầng AI, trung tâm dữ liệu; rà soát điều kiện đất, điện, nước, kết nối.	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở NN&MT; BQL Khu kinh tế	Danh mục cơ hội đầu tư, điều kiện hạ tầng; kết quả xúc tiến, dự án thu hút.	Triển khai hằng năm
IV	Nghiên cứu, phát triển AI và làm chủ công nghệ AI				
10	Công bố bài toán AI ưu tiên; đặt hàng nhiệm vụ KH&CN; ứng dụng AI trong quản lý, khai thác kết quả nghiên cứu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành, Trường ĐH Quy Nhơn, ICISE	Danh mục bài toán kèm dữ liệu, tiêu chí, nguồn lực; nhiệm vụ, sản phẩm được đánh giá.	Lần đầu Quý I/2027; cập nhật, triển khai đến 2030
11	Kết nối, khai thác phòng thí nghiệm bán dẫn dùng chung cho nội dung nghiên cứu, kiểm thử, đào tạo liên quan AI.	Trường ĐH Quy Nhơn, Sở Khoa học và Công nghệ	Các đơn vị liên quan	Nội dung phối hợp, kết quả nghiên cứu, kiểm thử, đào tạo; thực hiện theo hồ sơ được phê duyệt.	Năm 2027 - 2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian
12	Hợp tác quốc tế về AI qua Trung tâm ICISE, các hội nghị, sự kiện khoa học quốc tế có nội dung liên quan đến AI tại ICISE và Quy Nhơn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Ngoại vụ, Hội Khoa học Gặp gỡ Việt Nam, Trường Đại học Quy Nhơn	Chương trình hợp tác, hội nghị	Năm 2026 - 2030
V	AI trong quản trị của tỉnh				
13	Triển khai diện rộng Nền tảng AI hỗ trợ công vụ đến 100% cơ quan cấp tỉnh, cấp xã; trợ lý AI chuyên ngành theo nhu cầu	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; các sở, ban ngành; UBND các xã, phường	Nền tảng được triển khai, tích hợp; 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hằng tuần đến năm 2030.	Năm 2026 - 2027: theo lộ trình quốc gia; mở rộng đến 2030
14	Tích hợp AI vào hạ tầng số dùng chung, nền tảng nghiệp vụ chuyên ngành; 100% DVCTT được AI hỗ trợ	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành (nền tảng chuyên ngành); UBND các xã, phường	100% dịch vụ công trực tuyến, hồ sơ TTHC được AI hỗ trợ; đánh giá chất lượng, mức hài lòng.	Năm 2027 - 2029
15	Ứng dụng AI hỗ trợ chỉ đạo, điều hành, phân tích, dự báo, giám sát thực thi; bảng chỉ số điều hành.	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Thống kê tỉnh	60% quyết định chỉ đạo, điều hành được dữ liệu và AI hỗ trợ đến năm 2030	Năm 2027 - 2030
16	Ứng dụng AI hỗ trợ xây dựng, rà soát văn bản quy phạm pháp luật; kiểm chứng kết quả chuyên môn.	Sở Tư pháp	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; sở, ngành	Quy trình, công cụ hỗ trợ; kết quả rà soát được cơ quan chuyên môn kiểm tra.	Năm 2027 - 2030
17	Rà soát và nâng cấp IOC tích hợp AI gắn Kho dữ liệu dùng chung, các hệ thống chuyên ngành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Y tế	IOC tích hợp AI đưa vào vận hành	Năm 2027 - 2028

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian
VI	AI cho các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh				
18	Xây dựng và triển khai Đề án ứng dụng robot, tự động hóa và AI trong sản xuất	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; BQL Khu kinh tế; doanh nghiệp	Đề án; ngành, công đoạn ưu tiên; tiêu chí lựa chọn, hỗ trợ; mô hình và đánh giá năng suất, chi phí.	Năm 2026 - 2030
19	Ứng dụng AI trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, truy xuất nguồn gốc; tối ưu đầu vào, giảm thất thoát; giám sát môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ; địa phương; doanh nghiệp, hợp tác xã	Mô hình chuyên ngành; dữ liệu và đánh giá hiệu quả sản xuất.	Năm 2026 - 2027: chuẩn bị, lựa chọn; triển khai đến 2030
20	AI hỗ trợ quản lý bệnh viện, hồ sơ sức khỏe, phân luồng, điều phối, cảnh báo dịch bệnh và chuyên môn y tế.	Sở Y tế	Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ sở y tế.	Mô hình được đánh giá chuyên môn, an toàn dữ liệu; kết quả cải thiện quy trình, chất lượng phục vụ.	Năm 2027 - 2030
21	AI hỗ trợ dạy học, học liệu, đánh giá và quản lý giáo dục dựa trên dữ liệu.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ sở giáo dục; cơ sở đào tạo	Mô hình thí điểm; kết quả đánh giá và hướng dẫn kiểm chứng, bảo vệ dữ liệu người học.	Năm 2027 - 2030
22	AI trong quản lý, quảng bá du lịch, trợ lý du lịch, phân tích dòng khách; khai thác di sản, thể thao.	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; địa phương.	Bài toán và mô hình; dữ liệu điểm đến, di sản; kết quả phục vụ du khách, quản lý chuyên ngành.	Năm 2027 - 2030
23	AI trong logistics, kho vận, vận tải, chuỗi cung ứng; năng lượng tái tạo	Sở Công Thương	Sở Xây dựng; Sở KH&CN; doanh nghiệp logistics, sản xuất	Mô hình tối ưu kho, dự báo sản lượng, tối ưu vận hành	Năm 2027 - 2030
24	AI trong giao thông, xây dựng, đô thị; quản lý chiếu sáng, cấp thoát nước, chất thải.	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông	Mô hình phục vụ quản lý; kết nối dữ liệu, IOC; lồng	Năm 2027 - 2030

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian
			ngành và Môi trường; Công an tỉnh; địa phương	ghép bản sao số, không trùng lặp.	
25	AI dự báo thị trường lao động, kết nối việc làm, hỗ trợ quản lý chính sách an sinh xã hội.	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ; cơ quan quản lý chính sách an sinh theo chức năng	Bài toán, mô hình và kết quả hỗ trợ; liên thông nhiệm vụ đào tạo lại lao động.	Năm 2027 - 2030
VII	AI cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã				
26	Bồi dưỡng kỹ năng AI cho mạng lưới tư vấn viên chuyển đổi số và cán bộ nòng cốt của doanh nghiệp; giới thiệu mô hình chuyển đổi AI thành công	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Công Thương, Thuế tỉnh	100% tư vấn viên được bồi dưỡng; mô hình chuyển đổi AI được giới thiệu	Hàng năm
27	Tham gia Chương trình hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hộ kinh doanh, Hợp tác xã chuyển đổi bằng AI của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoàn thiện chính sách hỗ trợ công nghiệp công nghệ số của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Tư pháp	Nghị quyết HĐND tỉnh được ban hành; Kế hoạch tham gia chương trình, số đối tượng được hỗ trợ, kết quả ứng dụng và duy trì sử dụng AI	Năm 2026 - 2027
VIII	Hệ sinh thái AI				
28	Thu hút, phát triển Doanh nghiệp AI, khởi nghiệp AI, doanh nghiệp công nghệ số có sản phẩm AI tại khu công nghệ số tập trung; kết nối cung - cầu công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Trường Đại học Quy Nhơn, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Tối thiểu 03 doanh nghiệp AI/khởi nghiệp AI	Năm 2027 - 2030
IX	Quản trị AI an toàn, đáng tin cậy				
29	Hướng dẫn quản trị, đạo đức, đánh giá tuân thủ AI; danh mục hệ thống; kiểm tra và truy vết kết quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Sở Tư pháp; cơ quan sử dụng	Danh mục hệ thống; hướng dẫn, kết quả đánh giá theo quy định; đầu	Hàng năm

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm/Kết quả	Thời gian
				mối kiểm chứng, xử lý sai sót.	
30	Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chuyên trách an ninh mạng và AI.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ; cơ sở đào tạo	Nhu cầu, khóa đào tạo; số người hoàn thành và kết quả vận dụng.	Hàng năm
31	An toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong triển khai AI; phòng chống lừa đảo, deepfake.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Báo cáo giám sát, ứng phó sự cố	Thường xuyên
X	Cơ chế, chính sách, nguồn lực; tuyên truyền; đo lường, đánh giá				
32	Rà soát chính sách hỗ trợ AI, công nghiệp công nghệ số; nguồn lực, cơ chế hỗ trợ qua Quỹ của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Sở Nội vụ; cơ quan liên quan	Báo cáo rà soát; hồ sơ đề xuất cấp có thẩm quyền, gồm cơ chế hỗ trợ lãi suất phù hợp pháp luật.	Năm 2027
33	Tuyên truyền, tập huấn Luật Trí tuệ nhân tạo; lồng ghép tuyên truyền AI vào chương trình, kế hoạch của các Sở, ngành, địa phương; hội thảo, cuộc thi, ngày hội AI	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Báo và PTTH Gia Lai, Tỉnh đoàn, Các Sở, ngành, địa phương	Kế hoạch truyền thông hàng năm; lồng ghép hoàn thành 2027	Năm 2026 - 2030
34	Lồng ghép các chỉ tiêu điều tra về ứng dụng AI (Doanh nghiệp có ứng dụng AI; kết quả tăng năng suất, giảm chi phí, tăng doanh thu; lao động có kỹ năng AI) vào các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh	Thống kê tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Số liệu điều tra hàng năm về ứng dụng AI của doanh nghiệp, lao động	Từ kỳ điều tra 2027
35	Theo dõi trên nền tảng hiện có; đánh giá mục tiêu, mô hình; công khai kết quả, tham mưu chỉ đạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Công an tỉnh; sở, ngành; địa phương	Bộ chỉ tiêu, phương án đo năm 2027; báo cáo, kết quả hàng năm; tổng kết 2030.	Năm 2026 - 2030